

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC PHỔ**

Số: 192 /UBND-VP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đức Phổ, ngày 03 tháng 02 năm 2015

V/v góp ý dự thảo Nghị Quyết
HĐND tỉnh Quy định về một số chính
sách khuyến khích thực hiện xã hội
hóa thuộc lĩnh vực giáo dục – đào tạo,
dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể
thao, môi trường và giám định tư pháp
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.



Kính gửi:

- Các phòng: Tài chính – Kế hoạch; Tư pháp;
Lao động - Thương binh và Xã hội; Tài
Nguyên và Môi trường, Y tế, Giáo dục và
Đào tạo, Văn hóa và Thông tin, Kinh tế và
Hạ tầng;
- Chi Cục thuế huyện Đức Phổ;
- UBND các xã, thị trấn.

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 316/STC-QLGCS ngày 29/01/2015 về việc góp ý dự thảo Nghị Quyết HĐND tỉnh Quy định về một số chính sách khuyến khích thực hiện xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường và giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, Chủ tịch UBND huyện có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Yêu cầu các phòng Tài chính – Kế hoạch; Tư pháp; Lao động - Thương binh và Xã hội; Tài Nguyên và Môi trường, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa và Thông tin, Kinh tế và Hạ tầng; Chi Cục thuế huyện Đức Phổ; UBND các xã, thị trấn tham gia góp ý dự thảo Nghị Quyết HĐND tỉnh Quy định về một số chính sách khuyến khích thực hiện xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường và giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (có dự thảo Nghị Quyết kèm theo) và văn bản gửi về phòng Tài chính – Kế hoạch trước ngày 06/02/2015.

2. Giao phòng Tài chính – Kế hoạch tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo Nghị Quyết HĐND tỉnh tham mưu UBND huyện gửi Sở Tài chính trước ngày 08/01/2015.

(Các đơn vị không có nội dung góp ý cũng có văn bản gửi về cơ quan tổng hợp biết để tổng hợp)

Yêu cầu Chủ tịch UBND các xã, thị trấn; lãnh đạo các phòng Tài chính – Kế hoạch; Tư pháp; Lao động - Thương binh và Xã hội; Tài Nguyên và Môi

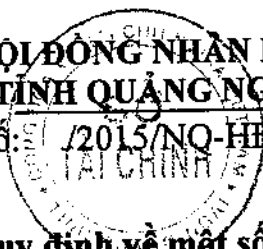
trường, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa và Thông tin, Kinh tế và Hạ tầng;
Chi Cục thuế huyện Đức Phổ khẩn trương thực hiện nội dung Công văn này./.

Nơi nhận: *Ty*

- Như trên;
- CT, PCT (đ/c Ty) UBND huyện;
- Chánh, P.Chánh VP;
- CV VP (T);
- Lưu VT.



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**
Số: 51 /2015/NQ-HĐND



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Quảng Ngãi, ngày tháng 01 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

Quy định về một số chính sách khuyến khích thực hiện xã hội hoá thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể dục thể thao, môi trường và giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Dự thảo

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 15

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18/4/2005 của Chính phủ về đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa và thể dục thể thao;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2015 của UBND tỉnh về việc đề nghị ban hành Quy định về một số chính sách khuyến khích thực hiện xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường;

trường và giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy định về một số chính sách khuyến khích thực hiện xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường và giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi với một số nội dung sau:

1. Phạm vi, đối tượng, điều kiện và nguyên tắc áp dụng:

1.1. Phạm vi xã hội hóa tại Quy định này bao gồm các lĩnh vực: giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường và giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh.

1.2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ sở ngoài công lập được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa, cụ thể:

- Các cơ sở ngoài công lập được thành lập và hoạt động theo quy định tại Nghị định 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ, gồm cơ sở dân lập và cơ sở tư nhân (hoặc tư thực đối với giáo dục - đào tạo, dạy nghề); hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa.

- Các cơ sở ngoài công lập đã được thành lập và hoạt động theo Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25/5/2006 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập, Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19/8/1999 của Chính phủ về chính sách khuyến khích đối với các hoạt động trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao.

b) Các tổ chức, cá nhân hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có các dự án đầu tư, liên doanh, liên kết thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Các cơ sở sự nghiệp công lập thực hiện góp vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoặc doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

1.3. Điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa:

Cơ sở thực hiện xã hội hoá trong các lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường phải thuộc danh mục, loại hình và đáp ứng các tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn theo quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hoá trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi

trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ, đồng thời nằm trong quy hoạch mạng lưới phát triển ngành, lĩnh vực văn hoá, thể dục thể thao, giáo dục - đào tạo, y tế, dạy nghề, môi trường phù hợp với quy hoạch sử dụng đất dành cho các lĩnh vực xã hội hóa được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì được hưởng các chính sách khuyến khích phát triển xã hội hoá theo Quy định này. Riêng đối với lĩnh vực giám định tư pháp hiện nay chưa được cấp có thẩm quyền quy định tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn, UBND tỉnh xem xét trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho từng trường hợp cụ thể để làm cơ sở thực hiện

1.4. Nguyên tắc thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hóa:

a) Cơ sở thực hiện xã hội hóa được thành lập, cấp phép hoạt động phải đảm bảo theo quy hoạch và đáp ứng các điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa quy định tại điểm 1.3 Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này.

b) Cơ sở thực hiện xã hội hóa hoạt động theo nguyên tắc tự đảm bảo kinh phí.

c) Các cơ quan nhà nước, xã hội coi trọng và đối xử bình đẳng trong hoạt động cũng như đối với các sản phẩm và dịch vụ của cơ sở thực hiện xã hội hóa như cơ sở công lập. Các cơ sở thực hiện xã hội hóa được tham gia các dịch vụ công do nhà nước tài trợ, đặt hàng; tham gia đấu thầu nhận các hợp đồng, dự án sử dụng nguồn vốn trong và ngoài nước phù hợp với chức năng nhiệm vụ hoạt động theo quy định của pháp luật.

d) Cơ sở thực hiện xã hội hóa được liên doanh, liên kết với các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật, nhằm huy động vốn, nhân lực và công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ.

đ) Tài sản của cơ sở thực hiện xã hội hóa bao gồm tài sản của cá nhân, tập thể, tài sản của các cơ sở sự nghiệp công lập tham gia góp vốn khi thành lập và phần tài sản được hình thành trong quá trình hoạt động; trong đó tài sản được hiến, tặng hoặc viện trợ không hoàn lại trong quá trình hoạt động của cơ sở thực hiện xã hội hóa không được chia cho cá nhân, chỉ sử dụng chung cho lợi ích của cơ sở và cộng đồng.

e) Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa ngừng hoạt động, phải giải thể thì thực hiện trình tự, thủ tục giải thể, xử lý tài sản, tài chính theo quy định của pháp luật về giải thể doanh nghiệp.

2. Nội dung một số chính sách:

2.1. Chính sách cho thuê nhà, xây dựng cơ sở vật chất:

a) Cơ sở thực hiện xã hội hóa được ưu tiên thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa để cung cấp các sản phẩm dịch vụ trong lĩnh vực xã hội hóa.

b) Hàng năm, căn cứ vào điều kiện thực tế, nhu cầu phát triển các lĩnh vực xã hội hóa và khả năng ngân sách của tỉnh, UBND tỉnh đưa vào dự toán phân bổ ngân sách để đầu tư, cải tạo nâng cấp quỹ nhà, cơ sở hạ tầng hiện có hoặc đầu tư xây dựng mới một phần hoặc toàn bộ cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa để cho các cơ sở thực hiện xã hội hóa thuê có thời hạn

c) Thời gian cho thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa do UBND tỉnh quyết định cho từng trường hợp cụ thể nhưng tối thiểu không dưới 10 năm. Hết thời hạn này, nếu các cơ sở thực hiện xã hội hóa còn có nhu cầu sử dụng cơ sở hạ tầng,

công trình xã hội hóa thì được ưu tiên tiếp tục gia hạn thuê, thời gian của một đợt gia hạn tối thiểu không dưới 05 năm.

d) Giá cho thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi thỏa thuận với cơ sở thực hiện xã hội hóa và theo nguyên tắc: Giá thuê được xác định phù hợp với mức giá thuê phổ biến trên thị trường có tính đến yếu tố khuyến khích của tỉnh tại thời điểm ký hợp đồng thuê nhưng phải bảo đảm việc bảo toàn chi phí hình thành nên tài sản thuê. Việc xác định giá cho thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

đ) Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa thực hiện ứng trước tiền thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa quy định tại điểm 2 Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 59/2014/NĐ-CPCP ngày 16/6/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường thì số tiền thuê ứng trước được quy đổi ra số năm, tháng đã hoàn thành nghĩa vụ về tiền thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa. Sau khi hết thời gian hoàn thành nghĩa vụ về tiền thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa nêu trên; giá thuê được UBND tỉnh xác định lại sau khi thỏa thuận với cơ sở thực hiện xã hội hóa phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm xác định lại giá cho thuê.

e) Bên đi thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa phải đáp ứng quy định về tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Riêng đối với lĩnh vực giám định tư pháp hiện nay chưa được cấp có thẩm quyền quy định tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn, UBND tỉnh xem xét trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho từng trường hợp cụ thể để làm cơ sở thực hiện.

g) Trường hợp có nhu cầu góp vốn, liên doanh, liên kết để thành lập cơ sở thực hiện xã hội hóa, Ủy ban nhân dân tỉnh thỏa thuận với nhà đầu tư việc sử dụng số tiền cho thuê cơ sở hạ tầng và công trình xã hội hóa hoặc giá trị tài sản đã đầu tư trên đất để góp vốn, liên doanh, liên kết với cơ sở thực hiện xã hội hóa này theo quy định của pháp luật.

2.2. Hỗ trợ chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng:

Cơ sở thực hiện xã hội hóa xây dựng nhà, cơ sở vật chất nằm trong các dự án, khu đô thị mới đã được xây dựng cơ sở hạ tầng phải nộp chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng thì được nhà nước hỗ trợ chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng, với mức hỗ trợ như sau:

- Hỗ trợ 20% giá trị đầu tư đối với địa bàn thành phố Quảng Ngãi
- Hỗ trợ 30% giá trị đầu tư đối với địa bàn thị trấn các huyện
- Hỗ trợ 50% giá trị đầu tư đối với địa bàn các xã còn lại

Trường hợp dự án xã hội hóa được giao đất, cho thuê đất không nằm trong các dự án, khu đô thị mới thì nhà đầu tư phải đầu tư cơ sở hạ tầng theo dự án đầu tư

được duyệt và được nhà nước hỗ trợ chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng như mức hỗ trợ quy định nêu trên.

2.3. Chính sách cho thuê đất:

a) Cơ sở thực hiện xã hội hóa được Nhà nước cho thuê đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình xã hội hóa theo hình thức cho thuê đất miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê (kể cả khu vực đô thị).

b) Việc miễn tiền thuê đất theo quy định tiết a điểm 2.3 Khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

- Cơ sở thực hiện xã hội hóa có dự án xã hội hóa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật và được Nhà nước cho thuê đất để thực hiện dự án mà nội dung dự án đã được phê duyệt đáp ứng danh mục các loại hình, quy mô, tiêu chuẩn theo quy định tại điểm 1.3 khoản 1 Điều này thì được miễn tiền thuê đất kể từ thời điểm có quyết định cho thuê đất hoặc quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cơ quan thuê ban hành quyết định miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định tại thời điểm có quyết định cho thuê đất hoặc quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

- Tại Quyết định miễn tiền thuê đất phải ghi rõ: lý do được miễn; thời gian thuê đất; thời gian được miễn tiền thuê đất và số tiền thuê đất được miễn; đồng thời có nội dung: “Trường hợp người thuê đất phải hoàn trả ngân sách nhà nước số tiền đã được miễn theo quy định tại tiết c điểm này hoặc sử dụng đất không đúng mục đích nhưng không thuộc trường hợp bị thu hồi đất theo quy định của pháp luật đất đai thì phải nộp lại số tiền thuê đất được miễn theo chính sách và giá đất tại thời điểm được miễn (đối với trường hợp quy định tại tiết c điểm này), tiền thuê đất trong thời gian sử dụng đất sai mục đích theo giá đất và chính sách thu tiền thuê đất tại thời điểm có quyết định cho thuê đất và tiền chậm nộp tính trên số tiền thuê đất được miễn hoặc số tiền thuê đất phải nộp bổ sung theo quy định của pháp luật về tiền quản lý thuế.

c) Trường hợp sau khi dự án xây dựng hoàn thành, đưa vào hoạt động mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện kiểm tra và xác định cơ sở thực hiện xã hội hóa không đáp ứng quy định về tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn theo dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy định tại tiết b điểm này và theo các nội dung đã cam kết thì cơ sở thực hiện xã hội hóa phải nộp tiền thuê đất đã được miễn theo chính sách và giá đất tại thời điểm được miễn tiền thuê đất và tiền chậm nộp tiền thuê đất của thời gian đã được miễn tính trên số tiền thuê đất được miễn theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

d) Trường hợp nhà đầu tư tự nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp để thực hiện dự án đầu tư xây dựng các công trình xã hội hóa mà phải chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thì nhà đầu tư được Nhà nước cho thuê đất theo quy định của pháp luật đất đai và được miễn tiền thuê đất theo quy định tại tiết a điểm 2.3 Khoản 2 Điều này. Số tiền nhà đầu tư đã trả để nhận quyền sử dụng đất được tính vào chi phí đầu tư của dự án

đ) Xử lý tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng:

- Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ khả năng ngân sách để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng và giao đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng cho nhà đầu tư thuê để thực hiện dự án xã hội hóa. Cơ sở thực hiện xã hội hóa hoàn trả chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt vào ngân sách nhà nước và khoản chi phí này được tính vào vốn đầu tư của dự án.

- Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh không cân đối được ngân sách để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng và giao đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng cho nhà đầu tư thuê để thực hiện dự án xã hội hóa thì cơ sở thực hiện xã hội hóa được Nhà nước cho thuê đất chi trả tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và được tính vào vốn đầu tư của dự án.

e) Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên cùng đăng ký lựa chọn một địa điểm để thực hiện dự án đầu tư trong lĩnh vực xã hội hóa thì thực hiện lựa chọn nhà đầu tư đáp ứng cao nhất các tiêu chí về quy mô, chất lượng, hiệu quả theo quy định tại pháp luật về đấu thầu và pháp luật về đất đai.

g) Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê và được miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian thuê nhưng có nguyện vọng được nộp tiền thuê đất (không thực hiện miễn tiền thuê đất) thì tiền thuê đất phải nộp được xác định theo chính sách và giá đất tại thời điểm được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận việc nộp tiền. Trong trường hợp này, chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng (nếu có) mà nhà đầu tư đã ứng trước hoặc đã nộp vào ngân sách nhà nước theo phương án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt được trừ vào tiền thuê đất phải nộp, nhưng tối đa không vượt quá tiền thuê đất phải nộp; được tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị tài sản của dự án đầu tư và có các quyền và nghĩa vụ như tổ chức kinh tế được Nhà nước cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

h) Việc sử dụng đất của cơ sở thực hiện xã hội hóa phải đúng mục đích, phù hợp với quy hoạch và đúng các quy định của pháp luật về đất đai. Khi hết thời hạn thuê đất nếu cơ sở thực hiện xã hội hóa không có nhu cầu tiếp tục sử dụng đất hoặc bị giải thể hoặc chuyển đi nơi khác thì phải trả lại đất đã được thuê cho Nhà nước. Việc xử lý đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất không đúng mục đích được thực hiện như sau:

- Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát hiện cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất không đúng mục đích lần đầu thì bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và phải nộp ngân sách nhà nước những khoản tiền sau:

+ Tiền thuê đất trong thời gian sử dụng đất sai mục đích theo giá đất và chính sách thu tiền thuê đất tại thời điểm có quyết định cho thuê đất.

+ Khoản tiền chậm nộp tính trên số tiền thuê đất trong thời gian sử dụng đất không đúng mục đích theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

- Trường hợp sau khi bị phạt vi phạm hành chính về đất đai mà cơ sở thực hiện xã hội hóa vẫn tiếp tục sử dụng đất không đúng mục đích thì Nhà nước thực hiện thu hồi đất; Nhà nước không hoàn trả phần tiền thuê đất đã nộp của thời gian thuê đất còn lại (nếu có) và không bồi thường giá trị tài sản gắn liền với đất của dự án bị thu hồi.

i) Khi được Nhà nước cho thuê đất dưới hình thức thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê và miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian của dự án thì cơ sở thực hiện xã hội hóa không được tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị tài sản của dự án đầu tư và không được chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê quyền sử dụng đất thuê; không được thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất thuê.

k) Chuyển nhượng dự án xã hội hóa:

- Trong quá trình thực hiện dự án, vì lý do khách quan không thể tiếp tục thực hiện dự án trên đất đã được Nhà nước cho thuê thì cơ sở thực hiện xã hội hóa được chuyển nhượng dự án này theo pháp luật về kinh doanh bất động sản và pháp luật về đất đai nếu được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chủ trương chuyển nhượng dự án bằng văn bản. Người nhận chuyển nhượng dự án phải cam kết bảo đảm tiếp tục thực hiện dự án xã hội hóa theo đúng mục tiêu và mục đích sử dụng đất của dự án; người nhận chuyển nhượng tiếp tục được hưởng các ưu đãi về đất đai theo chính sách xã hội hóa của người chuyển nhượng dự án cho thời gian thuê đất còn lại kể từ ngày nhận chuyển nhượng dự án.

- Giá trị dự án chuyển nhượng do hai bên thỏa thuận, bao gồm:

+ Tài sản trên đất đối với trường hợp dự án được miễn toàn bộ tiền thuê đất hoặc dự án được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm;

+ Tài sản trên đất và toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất đối với trường hợp dự án phải nộp toàn bộ (không thực hiện miễn) tiền thuê đất trong trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

+ Tài sản trên đất và một phần giá trị quyền sử dụng đất tương ứng với phần tiền thuê đất đã nộp ngân sách nhà nước đối với trường hợp dự án được Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê.

- Việc hoàn tất thủ tục về cho thuê đất giữa nhà đầu tư cũ và nhà đầu tư mới khi chuyển nhượng dự án xã hội hóa thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai."

l) Các cơ quan nhà nước khi quy hoạch hoặc điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh (bao gồm cả các khu đô thị mới, khu công nghiệp) phải bố trí quỹ đất dành cho các lĩnh vực xã hội hóa; thực hiện việc công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất dành cho các lĩnh vực xã hội hóa và quy trình, thủ tục giải quyết việc giao đất, cho thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa.

2.4. Chính sách ưu đãi về tín dụng

Trên cơ sở Đề án phát triển xã hội hóa các lĩnh vực: giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao và môi trường đã được HĐND tỉnh thông qua và đã được UBND tỉnh có quyết định ban hành, cơ sở thực hiện xã hội hóa thuộc phạm vi, đối tượng, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này được vay vốn tín dụng ưu đãi đầu tư hoặc hỗ trợ sau đầu tư theo quy định về tín dụng ưu đãi đầu tư của Nhà nước (Nghị định số 75/2001/NĐ-CP ngày 30/8/2011 của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của nhà nước; Thông tư số 35/2012/TT-BTC ngày 02/3/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 75/2001/NĐ-CP ngày 30/8/2011 của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của nhà nước). Các cơ quan quản lý chuyên ngành đối với từng lĩnh vực xã hội

24

hóa thực hiện tuyên truyền và phổ biến các chính sách ưu đãi về tín dụng đối với các lĩnh vực xã hội hóa của Bộ, ngành trung ương để các cơ sở thực hiện xã hội hóa biết và thực hiện. Riêng đối với lĩnh vực giám định tư pháp hiện nay chưa được cấp có thẩm quyền quy định ưu đãi tín dụng, UBND tỉnh xem xét trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho từng trường hợp cụ thể để làm cơ sở thực hiện

2.5. Các vấn đề về thuế thu nhập doanh nghiệp, chính sách huy động vốn, xử lý tài sản khi chuyển đổi các hình thức huy động, nguồn thu, phân phối kết quả tài chính và trách nhiệm của cơ sở thực hiện xã hội hóa, UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện đúng theo quy định tại các mục VI, VIII, IX, X, XI, XII của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

Điều 2. Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quy định cụ thể trình tự, thủ tục để thực hiện các nội dung nêu tại khoản 2 Điều 1.
2. Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua và thay thế Nghị Quyết số 23/2012/NQ-HĐND ngày 05/10/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khoá XI, kỳ họp thứ 6 Quy định về chính sách khuyến khích thực hiện xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao và môi trường của tỉnh Quảng Ngãi.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày / /2015.

Nơi nhận:

- UBND Quốc Hội, Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu của UBND tỉnh;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT TU, TT HĐND tỉnh, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH và Đoàn ĐBQH bầu ở tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, Hội, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND;
- Báo Quảng Ngãi, Đài PT-TH Quảng Ngãi;
- Trung tâm Công báo và tin học tỉnh;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Căng